

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Nui sao thịt gà, nấm rơm, bí ngòi, khoai lang, hành ngò, cải bó xôi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Tôm viên chiên rau củ (nấm kim châm, bông cải xanh, bột năng, hành lá, ngò rí)
- Canh cua đồng nấu rau muống, nấm bào ngư
- Khô qua tây luộc
Xế: Nước tắc
Xế chiều: Bánh canh thịt bò, củ sắn, cải dúng, nấm kim chi, mướp hương, hành phi, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cá m...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
3	0494	Đường cát	3,800	3,880	147,440
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
6	0004	Gạo tẻ máy	6,800	2,560	174,080
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	100	6,300	6,300
10	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
11	N0813	Nui sao	2,700	7,370	198,990
12	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	500	7,560	37,800
13	N0779	Cải bó xôi	400	9,870	39,480
14	0031	Khoai lang	600	4,200	25,200
15	0211	Nấm rơm	400	14,180	56,720
16	N0772	Thịt ức gà	1,600	12,920	206,720
17	0649	Bột năng	700	4,675	32,725
18	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	600	9,770	58,620
19	N0965	Nấm kim châm	300	10,610	31,830
20	0424	Tôm sú	4,000	34,970	1,398,800
21	0138	Mướp Nhật (khô qua Tây)	1,100	4,830	53,130
22	N0778	Nấm bào ngư	400	13,130	52,520
23	0748	Rau muống	3,200	5,040	161,280

24	0407	Cua đồng	1,200	19,430	233,160
25	0258	Quả quýt (tắc)	1,500	4,730	70,950
26	0136	Mướp	500	4,520	22,600
27	0212	Nấm thường tươi	275	18,480	50,820
28	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
29	0286	Thịt bò loại II	1,700	36,750	624,750
30	N0753	Bánh canh	5,700	2,860	163,020
31	0716	Cải dún (nhúng)	400	6,300	25,200
32	0027	Củ sắn (khoai mì)	600	2,520	15,120
33	0457	Sữa bột toàn phần	4,906.56	20,500	1,005,845
Tổng chợ					5,143,000

Tổng tiền thực phẩm	5,143,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,142,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	40,515,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	40,515,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan